TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2019
V/v ly hôn, con chung giữa
chị H và anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Bà Vũ Thị Thu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 12, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 12, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Chị H vắng mặt có lý do, anh B vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04-3-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn B đăng ký kết hôn ngày 16-7-2013 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng

bố mẹ anh B tại xóm 12, xã A. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B không tu trí làm ăn, mắc phải tệ nạn xã hội, kinh tế vợ chồng khó khăn, dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi chửi nhau. Chị H đã cho anh B nhiều cơ hội sửa chữa nhưng anh B vẫn không thay đổi. Xét thấy không thể tiếp tục sống chung với anh B nên chị H đã đưa con về ở cùng bố mẹ đẻ tại xã Hải Trung, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6-2018 cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Quốc Anh, sinh ngày 26-10-2013, hiện đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay chung nên chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Hải Hậu đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh B nhận: Thông báo thụ lý vụ án số 134/TB-TLVA ngày 06 tháng 6 năm 2019, bản sao đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H, các tài liệu, chứng cứ mà chị H nộp kèm theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Như vậy, anh B đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến nay, anh B vẫn vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị H.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Văn B là bị đơn được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh B vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh B là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn B là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 16-7-2013. Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị H đã đưa con về ở với bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ tháng 6/2018 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh B đã biết việc chị H xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, không liên lạc với chị H chứng tỏ bản thân

anh B cũng không còn tha thiết cuộc sống gia đình, không còn nguyện vọng chung sống với chị H. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng có một con chung là Đỗ Quốc Anh, sinh ngày 26-10-2013 hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của chị H trong việc nuôi con thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung vẫn do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; hàng tháng có thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án đến nay, anh B không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Do đó, xét cần tiếp tục giao cháu Đỗ Quốc Anh cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp. Do chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con nên không buộc anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H. Anh B được quyền thăm con chung, không ai được cản trở việc anh B thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản và công nợ*: Chị H và anh B không có tài sản chung, không vay nợ chung, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trần Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Quốc Anh, sinh ngày 26-10-2013 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Đỗ Văn B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H và được quyền thăm con chung, không ai được cản trở việc anh B thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000449 ngày 06-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe